TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
"V*/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Hồng Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên
Bà Nguyễn Thị Tâm

- **Thư ký phiên toà**: Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa**: Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn có yếu tố nước ngoài"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/7/2024 và quyết định hoãn số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Thúy G**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang – *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Phương Văn C**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn Chung kết h năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã H,

huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 04/11/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 5 năm. Năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thông qua môi giới công ty, đến năm 2015 anh C cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan hai vợ chồng vẫn liên lạc và đi lại ăn ở với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng sinh sống và làm việc bên Đài Loan thì không còn liên lạc, gặp gỡ với nhau nữa. Đến nay, chị G đã trở về Việt Nam; chị có liên lạc với anh C nhưng hiện tại anh C đã ra ngoài lao động chị không biết được địa chỉ cụ thể của anh Phương Văn C. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, cuôc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị có đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử cho chị ly hôn với anh Phương Văn C.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C có 01 con chung là cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/6/2010; hiện nay cháu đang ở với bà nội tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu, không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị T (Mẹ đẻ anh Phương Văn C) cho biết: Anh Phương Văn C hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Anh có thường xuyên gọi điện về hỏi thăm gia đình và con cái. Bà nhận được văn bản tố tụng của Toà án và đã thông báo cho anh C biết về việc Toà án thụ lý vụ án chị G đề nghị xin ly hôn với anh C. Anh C có ý kiến nhất trí lý hôn với chị Đặng Thị Thúy G.

Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C có 01 con chung là cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/6/2010; hiện nay cháu đang ở với bà Nguyễn Thị T tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi con, trong thời gian anh ở nước ngoài anh uỷ quyền cho bà nội cháu là Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi anh về nước. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Toà án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Phương Văn C và chị Đặng Thị Thúy G không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của cháu Phương Như Q*: Cháu sinh ngày 03/6/2010, là con của mẹ Đặng Thị Thúy G và bố Phương Văn C. Hiện nay cháu 14 tuổi đang học 8 tại trường THCS H, huyện C. Hiện nay cháu đang ở với bà nội là Nguyễn Thị T tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố, bố cháu hiện tại đang ở nước ngoài cháu mong muốn được tiếp tục ở với bà nội cho đến khi bố cháu về nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207; các Điều 238, 266, 271, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thúy G, xử cho chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/10/2010 cho mẹ cháu là Đặng Thị Thúy G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G và anh C tự thỏa thuận, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C1 quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy G và bị đơn anh Phương Văn C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Phương Văn C có hộ khẩu tại xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, năm 2015 đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, Trung Quốc nhưng đã bỏ ra ngoài làm tự do, nên gia đình không biết

địa chỉ cụ thể của anh C, nay chị G làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Toà án tiến hành xác minh hai lần với người thân thích nhưng vẫn không cung cấp được địa chỉ của anh C tại nước ngoài và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Anh Phương Văn C vắng mặt tại phiên toà, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn Chung kết h năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 5 năm. Năm 2014, chị G đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc thông qua môi giới công ty, đến năm 2015 anh C cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan hai vợ chồng vẫn liên lạc và đi lại với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng sinh sống và làm việc bên Đài Loan thì không còn liên lạc, gặp gỡ với nhau nữa. Đến nay, chị G đã trở về Việt Nam; chị có liên lạc với anh C nhưng hiện tại anh C đã ra ngoài lao động chị không biết được địa chỉ cụ thể của anh Phương Văn C. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, cuôc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị có đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử cho chị ly hôn với anh Phương Văn C. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Thúy G, cho chị Đặng Thị Thúy G được ly hôn với anh Phương Văn C.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/10/2010, do anh Phương Văn C đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, Trung Quốc, nhưng đã bỏ ra ngoài làm tự do và không biết địa chỉ cụ thể của anh C, nên cần giao cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/10/2010 cho mẹ cháu là Đặng Thị Thúy G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G và anh C tự thỏa thuận, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Phương Văn C không phải chịu án phí.

Xét cần chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung, tài

sản chung theo như phát biểu của kiển sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207; các Điều 238, 266, 271, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy G, xử cho chị Đặng Thị Thúy G và anh Phương Văn C được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009, ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Phương Như Q, sinh ngày 03/10/2010 cho mẹ cháu là Đặng Thị Thúy G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G và anh C tự thỏa thuận, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thúy G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000056 ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị Thúy G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phương Văn C không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thúy G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phương Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ma Hồng Thắng